chū zū

出租

Verb · to rent

Example Sentences

wǒ zuò chū zū chē qù xué xiào
我 坐 出租车 去 学 校 。

I take a taxi to school.

zhè jiān gōng yù zhèng zài chū zū
这 间 公 寓 正 在 出租。

This apartment is for rent.

xià yǔ tiān hěn nán dǎ dào chū zū chē
下雨 天 很 难 打 到 出租车 。

It's hard to hail a taxi on rainy days.

Trace each character, then write the word on your own.

出 出 出 出 出 出 出 出

租 租 租 租 租 租 租 租 租 租 租 租 租